

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 33/2026/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về trình tự chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm; trình tự chấp thuận tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3736/TTr-SXD ngày 14 tháng 4 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về trình tự chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm; trình tự chấp thuận tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về trình tự thực hiện chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm; trình tự thực hiện chấp thuận việc tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến xây dựng công trình tạm, chủ đầu tư, các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Trình tự thực hiện chấp thuận địa điểm, quy mô xây dựng và thời gian tồn tại công trình tạm; trình tự chấp thuận tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm phục vụ thi công công trình chính

1. Trình tự thực hiện chấp thuận địa điểm, quy mô xây dựng và thời gian tồn tại công trình tạm đối với công trình/dự án sử dụng cho việc tổ chức các sự kiện hoặc các hoạt động khác (theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 49 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14).

a) Chủ đầu tư công trình/dự án gửi các hồ sơ liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận nêu rõ: địa điểm, vị trí xây dựng, quy mô xây dựng công trình, mục đích đầu tư, sử dụng và thời gian tồn tại của công trình tạm.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình tạm. Trường hợp công trình tạm có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (theo quy định tại Phụ lục III Nghị định

số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) hồ sơ thiết kế xây dựng công trình tạm phải được thẩm tra về điều kiện bảo đảm an toàn.

b) Căn cứ hồ sơ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm:

- Văn bản chấp thuận công trình tạm bao gồm các nội dung: địa điểm, quy mô xây dựng công trình, mục đích đầu tư, sử dụng và thời gian tồn tại của công trình tạm.

- Thời gian giải quyết không quá 10 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện chấp thuận việc tiếp tục khai thác, sử dụng công trình xây dựng tạm phục vụ thi công công trình chính (theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 49 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14).

a) Sau khi công trình chính của dự án đầu tư xây dựng đưa vào khai thác sử dụng, Chủ đầu tư công trình/dự án gửi các hồ sơ liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình khi muốn tiếp tục khai thác sử dụng công trình xây dựng tạm. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận nêu rõ: địa điểm, vị trí xây dựng, quy mô xây dựng công trình, mục đích đầu tư, sử dụng.

- Cung cấp hồ sơ thiết kế xây dựng và ảnh chụp hiện trạng công trình tạm đã xây dựng; tài liệu chứng minh công trình đảm bảo các yêu cầu về an toàn chịu lực, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Căn cứ hồ sơ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc chấp thuận việc tiếp tục khai thác, sử dụng công trình xây dựng tạm:

- Văn bản chấp thuận việc tiếp tục khai thác, sử dụng công trình xây dựng tạm bao gồm các nội dung: sự phù hợp vị trí của công trình tạm với quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, quy mô xây dựng công trình, mục đích đầu tư, sử dụng.

- Thời gian giải quyết không quá 10 ngày làm việc.

3. Về hình thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân được lựa chọn một trong các hình thức nộp hồ sơ, bao gồm: nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh; nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền; hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.

4. Về thành phần hồ sơ: Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này được nộp dưới dạng bản giấy hoặc bản sao điện tử hoặc dữ liệu số hóa có giá trị pháp lý tương đương, phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và cải cách thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ các trường hợp có quy định khác.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hòa Nam